

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN KỸ THUẬT

CHĂN NUÔI BÒ THỊT CHẤT LƯỢNG CAO (BÒ LAI KOBE)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SNN ngày tháng 6 năm 2021
của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Định)

I. GIỚI THIỆU GIỐNG BÒ WAGYU (Kobe).

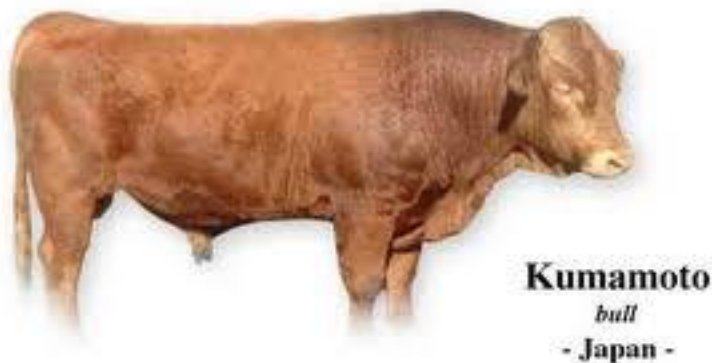
1. Nguồn gốc.

Wagyu (Kobe) là viết tắt của các từ trong tiếng Nhật bao gồm “Wa” nghĩa là “Nhật Bản” và Gyu nghĩa là “bò”. Có 04 giống bò Wagyu bao gồm Japanese Black và Japanese Brown (dòng Kumamoto) và 02 giống Wagyu chỉ có ở Nhật là Japanese Shorthorn và Japanese Polled. Bò Japanese Black được nuôi ở hầu hết các tỉnh của Nhật Bản và có hơn 90% bò Wagyu (Kobe) được nuôi dưỡng và vỗ béo là giống Wagyu - Japanese black này.

Giống bò Japanese Black* (黒毛和種 Kuroge Washu)



Giống bò Japanese Brown* (赤毛和種 Akage Washu)



2. Đặc điểm về ngoại hình và tính năng sản xuất bò Wagyu (Kobe).

Giống Japanese Brown hay còn gọi bò Wagyu đỏ, có sừng, nét đặc trưng của dòng này là có các điểm đen ở mũi và chân.

Giống Japanese Black có đặc điểm ngoại hình toàn thân màu đen, có sừng.

Bò Kobe thuần trưởng thành có khối lượng từ 800-1.000kg, trong đó tỉ lệ thu hồi thịt là 400-500kg.

Thịt bò Kobe chứa Acid inosinic (là một hợp chất quan trọng trong quá trình trao đổi chất) và acid Glutamic, những acid này làm cho mùi vị của thịt ngon hơn và là acid quan trọng cho kiến tạo cơ thể. Với đặc điểm hàm lượng chất béo thấp, khoảng 12% hoặc thấp hơn, trong những thớ thịt nạc vẫn có những sợi mỡ nhỏ, mảnh (loại mỡ Marbling). Mùi vị của chất béo trong thịt bò Wagyu - Japanese black tinh tế, giống như bơ, kết cấu thịt mềm, hoà tan trong miệng khi thưởng thức. Hàm lượng béo trong thịt tạo mùi vị đặc biệt thơm ngon bên cạnh đó chất béo này rất tốt cho sức khỏe.

Tuổi giết thịt lúc 28- 30 tháng.



Bò giống Kobe nuôi tại trang trại của Công ty cổ phần bò Kobe Việt Nam

II. KỸ THUẬT CHĂM SÓC VÀ NUÔI DƯỠNG BÒ LAI WAGYU (Kobe)

Quản lý quy trình tăng trưởng phát triển toàn diện đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng của bò trong từng giai đoạn.

- Lựa chọn thức ăn có thành phần acid béo và hương vị
- Chăm sóc nuôi dưỡng đến khi được 28- 30 tháng tuổi
- Hạn chế stress cho bò

- Hạn chế lượng Vitamin A và tối đa hóa lượng thức ăn để phát triển sự hình thành mỡ giắt. Lượng thức ăn duy trì càng lâu thì càng giúp tăng chỉ số mỡ giắt. Sự tiêu thụ thức ăn không thường xuyên sẽ gây ra các vấn đề về đường ruột và làm cho chất lượng thịt thấp.

- Khả năng chịu nóng bê lai Kobe kém nên trong quá trình chăm sóc nuôi dưỡng cần có những giải pháp xử lý nhiệt cho bê.

- Cai sữa sớm và cung cấp đủ dinh dưỡng thiết yếu cho bê Wagyu vì lượng sữa của bò mẹ không đủ so với nhu cầu phát triển của bê lai Kobe

1. Chăm sóc, nuôi dưỡng bê ở các giai đoạn.

1.1. Kỹ thuật nuôi bê từ sơ sinh đến 6 tháng tuổi.

Giai đoạn sơ sinh là giai đoạn rất quan trọng để bê thích nghi với cuộc sống

bên ngoài cơ thể bò mẹ. Ngay sau khi sinh bê rất cần sự quan tâm và chăm sóc của người chăn nuôi từ khâu cho ăn tới các khâu vệ sinh, chăm sóc và quản lý.

** Nhu cầu dinh dưỡng.*

- Protein: Từ 17-18%

- NLTD (ME): 3.000 Kcal

** Thức ăn*

Thức ăn chủ yếu của bê sơ sinh là sữa đầu và sữa thường. Sữa đầu có vai trò hết sức quan trọng đối với bê con vì sữa đầu giúp tẩy sạch đường tiêu hoá, cung cấp cho bê kháng thể và các chất dinh dưỡng khác. Độ chua của sữa đầu cao có tác dụng kích thích tuyến tiêu hoá, kích thích tiết dịch mật và ức chế sự hoạt động của vi khuẩn có hại cho cơ thể bê. Đồng thời sữa đầu có hàm lượng γ -globulin cao có tác dụng hoàn thiện hệ miễn dịch của bê làm tăng sức đề kháng trước các tác nhân gây bệnh, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình sinh trưởng và phát triển của bê sau này.

** Cho bê bú sữa đầu:* chậm nhất là 1,0-1,5 giờ sau khi sinh.

** Công tác đỡ đẻ cho bê:* Khi bê đẻ ra, kịp thời lau sạch nước nhón trong mồm, mũi để cho bê thở. Lau sạch cơ thể sau đó cắt rốn, cân khối lượng bê, ghi chép sổ sách và sưởi ấm cho bê.

- Khi bê được 02 tuần tuổi tập cho ăn thức ăn tinh và từ ngày thứ 20 trở đi tập cho bê ăn cỏ non. Lượng thức ăn tinh và cỏ non tập cho bê ăn tăng dần theo tuổi.

- Từ tháng thứ 04 trở đi nguồn sữa mẹ cạn dần, trong khi đó nhu cầu thức ăn của bê tăng lên, do đó ngoài cỏ ra, cần bổ sung vào khẩu phần của bê một ít thức ăn tinh, thức ăn giàu đạm.

** Thức ăn xanh:* Khẩu phần từ 05-10 kg cỏ tươi/ngày

** Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh:* Từ 0,4 - 0,6kg/ngày/con thức ăn tinh hỗn hợp hoàn chỉnh. Tập cho bê ăn cỏ khô từ lúc 07-10 ngày tuổi. Nên cai sữa bê vào lúc 6 đến 7 tháng tuổi.

- Tẩy giun cho bê.

Bệnh giun đũa có thể truyền từ bò mẹ qua nhau thai, vì vậy bê có thể phát bệnh từ rất sớm. Tuổi mắc bệnh của bê là vào lúc 25 - 35 ngày tuổi, sớm nhất có thể mắc vào lúc 14 ngày tuổi (nhiễm từ bò mẹ). Tiến hành tẩy giun sớm cho bê lúc 20 ngày tuổi, đến 40 ngày tuổi tẩy lại lần thứ 02, định kì 03-06 tháng tẩy lại.

1.2. Kỹ thuật nuôi bê từ 06-12 tháng tuổi.

** Nhu cầu dinh dưỡng.*

- Protein: Từ 15-16%

- NLTD (ME): 3.000 Kcal

- **Thức ăn thô, xanh:** Cho bê ăn tối thiểu đạt mức 8-10% khối lượng cơ thể (15-20 kg).

- **Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh:** Từ 1,5 – 2,0kg/con/ngày (0,8 % trọng lượng cơ thể, có đủ các chất dinh dưỡng khoáng, và vitamin...Thức ăn tinh được chia thành 02 lần/ngày vào sáng và chiều trước khi ăn thức ăn thô.

- *Chăm sóc bê*

+ Đây là giai đoạn bê dễ rơi vào trạng thái khủng hoảng dinh dưỡng vì lượng sữa bị cắt hoàn toàn, chuyển sang thức ăn thô xanh là chính, vì vậy dễ bị còi cọc, chậm lớn, bệnh tật, ảnh hưởng đến khả năng sinh trưởng phát triển của bê sau này.

+ Nhốt chung bê có cùng độ tuổi, có máng ăn riêng và đủ diện tích chuồng nuôi, có sân chơi để bê vận động. Hàng ngày chăn thả để bê được vận động, tắm nắng tối thiểu 02-03 giờ/ngày. Trong mùa hè áp dụng chế độ tắm chải cho bê tối thiểu 02-03 lần/tuần. Tiêm phòng đầy đủ các loại vacxin cho bê theo quy định. Thực hiện các biện pháp vệ sinh, tẩy uế chuồng trại thường xuyên mỗi ngày một lần. Phun thuốc diệt ve, rận khu vực chuồng trại mỗi tháng 01 lần.

- *Nuôi dưỡng bê*

Cần nuôi dưỡng bê bằng nguồn thức ăn tinh giàu đạm, cỏ xanh có chất lượng tốt và thường xuyên tại chuồng.

1.3. Kỹ thuật nuôi giai đoạn 13-30 tháng tuổi.

* *Nhu cầu dinh dưỡng.*

- Protein: Từ 10-12%

- NLTD (ME): 3.000 Kcal

- **Thức ăn thô xanh:** Cho ăn tại chuồng từ 25-40 kg/con/ngày.

- **Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh:** Từ 2,5 – 5,5 kg/con/ngày

Cho bò ăn tại chuồng này 03 bữa /ngày. Thức ăn tinh cho ăn trước, thức ăn thô xanh cho ăn sau. Lượng thức ăn thô xanh cho ăn buổi sáng ít hơn buổi chiều (30-40%), vì còn để bò tận dụng lượng cỏ gặm ngoài đồng. Cho bò ăn nhiều thức ăn buổi chiều vì chúng có thì giờ nhai lại trong đêm. Thường xuyên có nước trong, sạch ở chuồng cho bò uống.

Giai đoạn này bê đã sử dụng tốt thức ăn thô xanh, khả năng thu nhận thức ăn tốt. Trong giai đoạn này, tốt nhất là nuôi dưỡng theo phương thức chăn thả kết hợp với cho ăn thức ăn tại chuồng. Dựa vào nhu cầu tăng trọng của bê và khả năng thu nhận thức ăn khi chăn thả mà quy định số lượng thức ăn cho ăn tại chuồng. tập trung thâm canh ở giai đoạn cuối.

+ *Nuôi nhốt chuồng:* cho bò ăn thức ăn thô xanh loại tốt từ 25-40kg, nếu thiếu có thể thay thế bằng thức ăn cỏ khô, rơm khô với tỷ lệ 03-04kg tươi = 01 kg khô. Thức ăn tinh hỗn hợp bổ sung theo nhu cầu của bò khoảng từ 2,5-5,5 kg.

+ *Nuôi chăn thả:* Trong điều kiện Bình Định, nếu nuôi có chăn thả mỗi ngày từ 3-6 tiếng đồng hồ thì bò có thể thu lượm được khoảng 04-08 kg thô xanh. Số còn thiếu phải bổ sung thêm cỏ xanh hay cỏ khô, rơm khô với số lượng tương ứng, thức ăn tinh hỗn hợp cần bổ sung từ 2,0-3,5 kg.

Khẩu phần nuôi bê cho các giai đoạn:

Khối lượng cuối kỳ (kg)	Cỏ Tươi (kg)	Cỏ Khô (kg)	Rơm Khô (kg)	Cám HH (kg)	Muối ăn (gam)	Khoáng (gam)
350	28	1	2,5	2,5	24	12
380	30	1	2,5	3,0	28	14
400	30	1	2,5	3,2	31	15
420	35	1	2,5	3,5	35	18
≥ 450	40	1	2,5	4,5-6	40	20

- Khẩu phần thức ăn:

+ Thức ăn thô xanh: Các loại cỏ xanh được băm ngắn, rửa sạch cho bò ăn 3 lần/ngày sau khi cho ăn thức ăn tinh xong, khối lượng từ 35-40kg/con/ngày. Cho bò ăn rơm ủ urê khi thiếu cỏ xanh với khối lượng từ 03-05 kg/con/ngày.

+ Thức ăn tinh hỗn hợp với mức ăn 3,0 -4,5 kg/con/ngày. Đây là loại thức ăn cần thiết cho bò vỗ béo, vì bò cần thức ăn giàu năng lượng để đủ điều kiện tăng trưởng bù cho thời kỳ nuôi lớn trước đây.

+ Bỏ sung: Ở bò vỗ béo do tăng trọng cao nên rất cần muối khoáng các loại, cho bò ăn bột thịt xương, bột xương, bột khoáng premix (30-50g/con/ngày)

- Nước uống: Nước sạch phải có thường xuyên trong chuồng và cần phải thay nước hàng ngày.

2. Vệ sinh phòng bệnh.

2.1. Vệ sinh trước khi nuôi

Cần chú ý vệ sinh tiêu độc chuồng trại, khu vực xung quanh chuồng, dụng cụ chăn nuôi trước khi đưa bò về nuôi. Để trống chuồng tối thiểu 01 tuần trước khi thả bò vào nuôi.

2.2. Vệ sinh trong khi nuôi

Chuồng nuôi bò phải đảm bảo thoáng mát, khô và ánh nắng mặt trời có thể chiếu vào. Thu gom chất thải hàng ngày, vệ sinh tiêu độc xung quanh chuồng định kỳ 01- 02 lần/tuần.

2.3. Vệ sinh sát trùng sau mỗi đợt nuôi

Thu gom phân, chất độn chuồng ủ kỹ để diệt mầm bệnh.

Phun rửa toàn bộ chuồng nuôi sau đó sát trùng bằng dung dịch nước vôi. Dùng vôi bột để rắc xung quanh khu chuồng nuôi, sân thả bò, cống rãnh. Để

trồng chuồng 07 - 15 ngày. Sau 02-03 ngày, dùng Benkocid 0,2 % hoặc dung dịch Virkons phun toàn bộ khu vực chăn nuôi bò.

** Vệ sinh thức ăn, nước uống*

Thức ăn cho bò không bị mốc, vàng úa, nhiễm thuốc, không được cho ăn thức ăn thừa lâu ngày trong máng, thức ăn bò bệnh không dùng lại cho bò khỏe. Nước uống phải đảm bảo trong sạch, thay thường xuyên, không cho bò bệnh uống chung với bò khỏe.

Đối với bò nuôi bán chăn thả, không thả bò gần vùng có dịch bệnh, hạn chế thả bò tại vùng đồng trũng, không cho bò uống tại nơi nguồn nước tù đọng.

** Phòng bệnh.*

Định kỳ tiêm vắc xin và thuốc phòng dịch cho đàn bò, bê:

+ Bệnh LMLM.

+ Bệnh THT trâu bò.

+ Bệnh ký sinh trùng đường máu tiêm phòng 1 năm 2 lần

+ Bê từ 03 - 06 tháng tẩy giun sán 1 lần. Định kỳ kiểm tra và tẩy sán lá gan, giun sán đường ruột cho đàn bò (vào lúc 06; 12 và 18 tháng tuổi). Phun thuốc diệt ve quanh chuồng trại và trên cơ thể bò (nếu trên cơ thể bò có ít ve thì có thể dùng tay bắt và diệt ve.

- Thường xuyên tắm chải cho bò, bờ, không để phân dính bết vào lông và ve bám vào da hút máu.

- Luôn giữ cho chuồng trại và khu vực xung quanh sạch sẽ. Thường xuyên quét dọn, cọ rửa nền chuồng, máng ăn, máng uống; thu gom phân. Phun thuốc tiêu độc sủa trùng chuồng trại 02 lần/tháng bằng một trong các loại thuốc như: Vikon, BKA, Bencocit...

3. Chuồng trại

Bê lai Kobe nặng kíp, chân yếu, nền chuồng chú ý chống trơn trượt, ngã.

+ Vị trí: Chuồng nuôi cần được đặt ở nơi cao ráo, thoáng mát, dễ thoát nước, tiện cho sinh hoạt và theo dõi chăm sóc bò. Chuồng xây cao ráo, dễ vệ sinh, không gây ô nhiễm môi trường xung quanh.

+ Hướng chuồng.

Do điều kiện thời tiết khí hậu nước ta nóng ẩm và gió mùa nên xây dựng chuồng trại bò theo hướng nam hoặc đông nam là hợp lý nhất, đảm bảo mùa hè có gió đông nam mát mẻ, mùa đông dễ dàng che tránh gió mùa đông bắc (đông ẩm hè mát). Hướng chuồng này giảm được mưa tạt gió lùa, che bớt được nắng, thoáng mát, ẩm và đảm bảo ánh sáng.

+ Nền chuồng

Diện tích nền chuồng (chỗ đứng) phải theo đúng tiêu chuẩn cho từng loại bò (04-08 m²/con) và phải cao hơn mặt đất bên ngoài khoảng 40-50cm để nước mưa không thể tràn vào chuồng.

Nền chuồng có thể được lát bằng gạch hoặc láng bê tông đảm bảo không gồ ghề, nhưng không trơn trượt, có độ dốc hợp lý (02-03%) để bảo đảm thoát nước dễ dàng khi dội rửa.

+ Máng ăn:

Máng ăn và máng uống trong chuồng nên làm riêng để máng ăn luôn được khô, thức ăn không bị ướt, bẩn. Máng ăn không quá sâu, dễ gây tổn động thức ăn và khó vệ sinh. Các góc của máng ăn phải được lượn tròn và trơn nhẵn, thành máng phía trong (phía bò ăn) bắt buộc phải thấp hơn thành máng ngoài.

II. CHĂM SÓC BÒ SINH SẢN

1. Nuôi dưỡng chăm sóc bò cái chữa

- Giai đoạn 1 (từ khi thụ thai đến 5 tháng): Thời kỳ này bào thai sinh trưởng chậm, vì vậy bò có thể ăn thức ăn thô xanh từ 80-100%, chăn thả bình thường.

- Giai đoạn 2 (chửa được 6 tháng đến khi đẻ): Thời kỳ này bào thai sinh trưởng nhanh, vì vậy ngoài thức ăn xanh nên cho ăn thêm thức ăn tinh hỗn hợp: 01-02 kg/con/ngày.

- Khẩu phần ăn của bò cái chữa:

+ 30-35 kg cỏ tươi; 02 kg rơm ủ; 01-02 kg thức ăn tinh hỗn hợp; 30-40 gam muối, 30-40 gam bột xương, bột sò

+ Tránh làm việc nặng, tránh xua đuổi bò mạnh trong các tháng chửa thứ ba, tháng thứ bảy, thứ tám và thứ chín.

2. Nuôi bò đẻ, đỡ đẻ cho bò

Yêu cầu: Bò đẻ bình thường, tránh được các bệnh sát nhau, sốt nhau, viêm tử cung, âm đạo.

Bò trước và sau khi đẻ 10 ngày được nuôi tại chuồng (tốt nhất là khu riêng) và vận động tại sân chơi.

Bò có hiện tượng sắp đẻ phải cử người trực đỡ đẻ (kể cả trưa tối). Khi bò có hiện tượng đẻ thì dùng nước ấm pha muối 10% hoặc dung dịch thuốc tím 0,1% rửa sạch thân sau và bầu vú. Dùng rơm hoặc cỏ khô độn lót chỗ đẻ. Một giờ sau khi vỡ nước ối mà thai chưa ra hoặc có hiện tượng đẻ khó cần gọi ngay cán bộ thú y chuyên trách kịp thời can thiệp.

Trong khi bò đẻ cần tuyệt đối yên tĩnh. Sau khi đẻ do bò mẹ mất nước nhiều nên cần cho bò uống nước pha muối và cám pha thành hỗn hợp cháo loãng (10 lít nước + 01 kg cám + 50 g muối) hoặc cho uống nước ối của chính bò mẹ.

Bò đẻ xong dùng nước muối 10% hoặc dung dịch thuốc tím rửa sạch thân sau, âm hộ, bầu vú. Sau đó một giờ tiến hành cho bê bú. Dọn sạch độn rác, rửa và tẩy uế nơi bò đẻ.

Không để bò ăn nhau thai. Sau 06 - 08 giờ nhau thai chưa ra thì mời thú y chuyên trách có biện pháp xử lý.

* **Các chú ý trong giai đoạn này:** Khám thai xác định ngôi thai. Giữ cho bò đẻ yên tĩnh. Có người trực bò đẻ và chuẩn bị sẵn dụng cụ can thiệp khi bò khó đẻ.

3. Nuôi bò cái đang nuôi con.

a. Giai đoạn đầu sau khi đẻ (từ ngày bò đẻ đến tuần lễ thứ 8)

Cần cung cấp thức ăn tinh tốt cho bò ở giai đoạn này để bò có sữa nhiều nhất. Nuôi dưỡng kém trong giai đoạn này sẽ làm giảm lượng sữa nuôi bê và bò biểu hiện động dục lại không rõ ràng, khó phát hiện. Hỗn hợp thức ăn tinh cho bò có dinh dưỡng: đậm thô 14-16% và năng lượng trao đổi 2.600-2.700Kcal.

Khẩu phần ăn trong 01 ngày là:

- Cỏ hỗn hợp hoàn chỉnh: 02 - 03kg,
- Cỏ xanh: 30 - 35kg
- Muối ăn: 60 gam;

b. Giai đoạn giữa (tính từ tuần thứ 9 đến tuần thứ 16 sau khi đẻ).

Giai đoạn này giảm thức ăn tinh, tăng thức ăn thô và giảm lượng đậm. Hàm lượng đậm khoảng 13-15% trong khẩu phần.

Khẩu phần ăn trong 01 ngày là:

- Cám hỗn hợp : 02kg
- Cỏ xanh: 30 - 35kg
- Muối ăn: 60 gam;

c. Giai đoạn cuối (tính từ tuần 17 sau khi đẻ).

Khẩu phần ăn trong 1 ngày là:

- Cám hỗn hợp: 1,0 - 1,5kg
- Cỏ xanh: 30 - 35kg
- Muối ăn: 60 gam;

Giai đoạn này bò được phục hồi cơ thể và dự trữ dinh dưỡng cho lần đẻ sau.

Trong giai đoạn này thức ăn thô chiếm phần chính, giảm lượng thức ăn tinh, giảm hàm lượng đậm trong khẩu phần. Hàm lượng đậm khoảng 13% là phù hợp./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Quyết định số 54/QĐ/BNN-KHCN ngày 09/01/2014 Ban hành tạm thời các định mức kỹ thuật áp dụng cho các mô hình thuộc dự án khuyến nông Trung ương lĩnh vực chăn nuôi.

Quyết định số 141/QĐ-SNN ngày 08/02/2018 của Sở Nông nghiệp và PTNT Bình Định